

Kết quả chỉ số VN30 Q3/2025

LỊCH CƠ CẤU DANH MỤC CÁC QUỸ ETF

Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8
Quỹ DCVFM VN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF, KIM Growth VN30 ETF (VN30 Index)		
• NAV: 14.410,0 tỷ VND	- Ngày công bố: 16/07 - Ngày giao dịch: 17/07-01/08 - Kỳ đánh giá tiếp theo: 15/10 Kết quả: thêm DGC, loại BVH Ước tính: Top mua DGC, FPT, VPB, LPB Ước tính: Top bán VHM, VIC, MSN, BVH	
Quỹ DCVFMVN DIAMOND ETF, MAFM VNDIAMOND ETF, BVFVN DIAMOND ETF, Kim Growth DIAMOND ETF, ABFVN DIAMOND ETF (VNDiamond Index)		
• NAV: 13.307,6 tỷ VND	- Ngày công bố: 16/07 - Ngày giao dịch: 17/07 - 01/08 - Kỳ đánh giá tiếp theo: 20/10 Link báo cáo kết quả danh mục	
Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF, VFM VN MIDCAP ETF, Vina Capital VN100 ETF,... (6 quỹ)		
• NAV: 3.213,0 tỷ VND	- Ngày công bố: 16/07 - Ngày giao dịch: 17/07-01/08 - Kỳ đánh giá tiếp theo: 20/10	
Quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF (FTSE Vietnam 30 Index)		
- NAV: 15.437,6 tỷ VND - Ngày giao dịch: 21/03 - Kỳ đánh giá tiếp theo: 22/09		
Quỹ FTSE Vietnam ETF (FTSE Vietnam Index)		
- NAV: 8.078,7 tỷ VND - Ngày công bố: 06/06 - Ngày giao dịch: 09/06-20/06 - Kỳ đánh giá tiếp theo: 05/09 Link báo cáo kết quả danh mục		
Quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF (MarketVector Vietnam Local Index)		
- NAV: 13.099,6 tỷ VND - Ngày công bố: 13/06 - Ngày giao dịch: 09/06-20/06 - Kỳ đánh giá tiếp theo: 12/09 Link báo cáo kết quả danh mục		

Nguồn: DSC tổng hợp dựa vào dữ liệu ngày 23/07/2025

KẾT QUẢ CHI TIẾT DANH MỤC VN30

- HOSE đã công bố kết quả thay đổi danh mục chỉ số VN30 vào ngày 16/07/2025, hoàn thành cơ cấu ngày 01/08/2025 và thay đổi sẽ có hiệu lực từ ngày 05/08/2025.
- Danh mục chỉ số VN30 sẽ **thêm cổ phiếu DGC và loại cổ phiếu BVH** trong đợt review bán niên 2025 đúng với DSC đã dự báo.
- Trong đợt cơ cấu tiếp vào 2026, DSC xem xét khả năng bổ sung cổ phiếu VPL và BSR vào danh mục.

TỔNG QUAN

Hiện có tổng cộng 4 quỹ ETF nội sử dụng chỉ số VN30 làm cơ sở với tổng quy mô tài sản hơn 14,410 tỷ đồng. Trong đó, DCVFMVN30 ETF là quỹ lớn nhất, sở hữu quy mô lên đến 6.239,3 tỷ đồng. Từ đầu năm 2025 đến nay, hiệu suất đầu tư của DCVFMVN30 ETF đạt 24%, tuy nhiên số lượng CCQ đã giảm 23%, cho thấy tình trạng rút vốn ròng khỏi quỹ, ước tính khoảng 1.500 tỷ đồng.

KẾT QUẢ

Danh mục cổ phiếu thành phần chỉ số VN30 thêm DGC và loại BVH

Theo quy tắc mới Bộ chỉ số HOSE Index 4.0, cổ phiếu BVH bị loại khỏi danh mục vì không thỏa mãn điều kiện về thanh khoản (thấp hơn ngưỡng yêu cầu 30 tỷ đồng). Thay vào đó, cổ phiếu DGC sẽ được thêm vào chỉ số khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí yêu cầu.

Hoạt động đáng chú ý của các quỹ ETF theo chỉ số VN30

DSC ước tính các quỹ ETF sẽ mua ròng đáng kể một số cổ phiếu, bao gồm: DGC (khoảng 1,9 triệu cổ phiếu), FPT (1,3 triệu cổ phiếu) và VPB (4,1 triệu cổ phiếu).

Ngược lại, nhóm cổ phiếu thuộc Vingroup có khả năng bị bán mạnh sau đợt tăng giá gần đây, cụ thể: VHM (3,2 triệu cổ phiếu), VIC (2 triệu cổ phiếu). Ngoài ra, BVH bị loại hoàn toàn khỏi danh mục với khối lượng bán ước tính khoảng 470 nghìn cổ phiếu.

Triển vọng một số cổ phiếu được lựa chọn vào bộ chỉ số VN30 Quý 1/2026

VPL và BSR là hai cổ phiếu vốn hóa lớn có thể thêm vào chỉ số trong tương lai. Hiện tại, cả hai cổ phiếu đều đáp ứng đủ các tiêu chí cần thiết, bao gồm quy mô, tỷ lệ free-float, thanh khoản và lợi nhuận, nhưng chưa đủ thời gian niêm yết tối thiểu 6 tháng (VPL niêm yết HOSE ngày 13/05/2025 và BSR niêm yết HOSE ngày 17/01/2025). Việc thêm nhiều cổ phiếu mới sẽ dẫn đến việc loại ra các cổ phiếu tương ứng, các cổ phiếu có khả năng bị loại lần lượt là: TPB, DGC.

Chúng tôi sẽ đánh giá lại khả năng vào chỉ số của hai cổ phiếu trong kỳ rà soát tiếp theo.

(Tỷ trọng và khối lượng mua bán dự kiến của từng cổ phiếu có thể thay đổi từ nay đến khi kết thúc thời gian tái cơ cấu do biến động giá cổ phiếu, vốn hóa và số lượng chứng chỉ quỹ)

Kết quả chỉ số VN30 Q3/2025

CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CHỈ SỐ VN30 Q3/2025

STT	Mã	Giá	Số lượng CP lưu hành	Tỷ lệ free-float	Vốn hóa	Tỷ trọng mới
1	FPT	118.200	1.481.330.122	85%	175.093.220.420.400	9,9%
2	HPG	22.700	7.675.500.240	55%	174.233.855.448.000	9,6%
3	VIC	95.600	3.823.661.561	30%	365.542.045.231.600	9,6%
4	MWG	65.500	1.478.609.048	75%	96.848.892.644.000	6,8%
5	TCB	34.200	7.064.851.739	65%	241.617.929.473.800	5,9%
6	VHM	76.700	4.107.412.004	25%	315.038.500.706.800	5,8%
7	MSN	76.800	1.438.351.617	55%	110.465.404.185.600	5,2%
8	VNM	58.000	2.089.955.445	40%	121.217.415.810.000	4,4%
9	ACB	21.300	5.136.656.599	90%	109.410.785.558.700	4,2%
10	LPB	32.250	2.987.282.100	95%	96.339.847.725.000	4,1%
11	VPB	18.500	7.933.923.601	50%	146.777.586.618.500	3,9%
12	STB	46.700	1.885.215.716	100%	88.039.573.937.200	3,7%
13	MBB	25.800	6.102.272.659	55%	157.438.634.602.200	3,5%
14	HDB	21.800	3.495.060.732	75%	76.192.323.957.600	2,7%
15	VCB	57.000	8.355.675.094	11%	476.273.480.358.000	2,4%
16	VJC	88.100	591.611.334	55%	52.120.958.525.400	2,3%
17	VRE	24.650	2.272.318.410	40%	56.012.648.806.500	2,3%
18	DGC	101.700	379.778.413	60%	38.623.464.602.100	2,0%
19	SSI	24.700	1.971.872.450	70%	48.705.249.515.000	1,9%
20	SHB	12.900	4.065.250.816	85%	52.441.735.526.400	1,7%
21	CTG	41.900	5.369.991.748	15%	225.002.654.241.200	1,6%
22	VIB	18.300	2.979.127.815	70%	54.518.039.014.500	1,5%
23	SSB	18.150	2.845.000.000	65%	51.636.750.000.000	1,3%
24	TPB	13.450	2.641.956.196	50%	35.534.310.836.200	0,9%
25	GAS	67.800	2.342.672.919	5%	158.833.223.908.200	0,7%
26	SAB	47.000	1.282.562.372	11%	60.280.431.484.000	0,0%
27	BID	36.300	7.021.361.917	4%	254.875.437.587.100	0,5%
28	GVR	30.300	4.000.000.000	4%	121.200.000.000.000	0,4%
29	PLX	37.250	1.270.592.235	10%	47.329.560.753.750	0,4%
30	BCM	64.200	1.035.000.000	4%	66.447.000.000.000	0,2%
	BVH	53.100	742.322.764	11%	39.417.338.768.400	0,0%
Tổng						100,0%

Nguồn: DSC ước tính

Kết quả chỉ số VN30 Q3/2025

ƯỚC TÍNH SỐ LƯỢNG MUA/BÁN CỔ PHIẾU CỦA CÁC QUỸ ETF THEO CHỈ SỐ VN30 Q3/2025

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Tổng SLCP mua/bán 4 quý	Tổng giá trị giao dịch	Số phiên GD tương ứng (SLCP / KLGD TB 3 tháng)
1	DGC	2,0%	1.884.033	191.606.111.067	1,21
2	FPT	9,9%	1.363.993	161.223.989.889	0,30
3	VPB	3,9%	4.065.965	75.220.345.287	0,24
4	LPB	4,1%	1.553.042	50.085.610.194	0,64
5	ACB	4,2%	1.481.534	31.556.667.419	0,21
6	HDB	2,7%	1.330.631	29.007.749.146	0,15
7	VCB	2,4%	427.483	24.366.505.610	0,21
8	CTG	1,6%	555.117	23.259.405.001	0,09
9	HPG	9,6%	1.014.965	23.039.704.549	0,05
10	SSI	1,9%	924.580	22.837.122.447	0,06
11	STB	3,7%	448.735	20.955.941.473	0,05
12	MWG	6,8%	313.455	20.531.293.494	0,05
13	TPB	0,9%	1.241.067	16.692.349.335	0,12
14	MBB	3,5%	570.714	14.724.432.471	0,04
15	BID	0,5%	295.175	10.714.857.266	0,11
16	PLX	0,4%	107.847	4.017.313.811	0,08
17	GAS	0,7%	17.518	1.187.751.083	0,02
18	SAB	0,6%	7.357	345.768.069	0,01
19	VNM	4,4%	2.810	162.972.219	0,00
20	VIB	1,5%	(45.493)	(832.529.516)	(0,01)
21	VJC	2,3%	(39.561)	(3.485.357.703)	(0,06)
22	GVR	0,4%	(175.815)	(5.327.206.950)	(0,06)
23	VRE	2,3%	(255.520)	(6.298.569.989)	(0,03)
24	SSB	1,3%	(457.058)	(8.295.597.174)	(0,22)
25	SHB	1,7%	(915.506)	(11.810.021.578)	(0,03)
26	BCM	0,2%	(188.127)	(12.077.727.293)	(0,42)
27	TCB	5,9%	(563.386)	(19.267.789.809)	(0,04)
28	MSN	5,2%	(566.037)	(43.471.657.028)	(0,13)
29	VIC	9,6%	(1.999.290)	(191.132.108.330)	(0,55)
30	VHM	5,8%	(3.222.659)	(247.177.974.868)	(0,38)
	BVH	0,0%	(473.379)	(25.136.487.931)	(0,90)
	Tổng	100,0%			

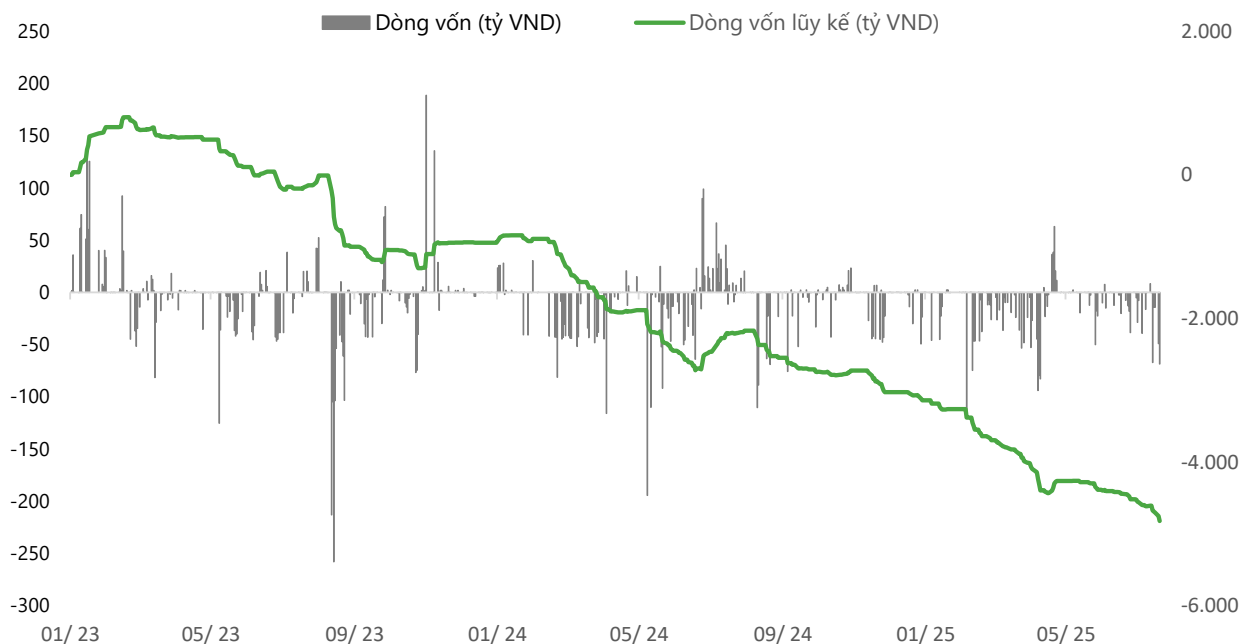
Nguồn: DSC ước tính

PHỤ LỤC

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ VN30 INDEX (HOSE-Index 4.0)

Tiêu chí	Cổ phiếu thuộc bộ chỉ số	Cổ phiếu không thuộc bộ chỉ số
Niêm yết	Không trong diện bị cảnh báo Niêm yết trên HOSE > 6 tháng hoặc >3 tháng với top 5 cổ phiếu vốn hóa lớn	
Tỷ lệ free-float	>= 10%	>= 10%
	Vốn hóa free-float >= 2.000 tỷ đồng	Vốn hóa free-float >= 2.500 tỷ đồng
Tỷ suất quay vòng	>= 0,04%	>= 0,05%
KLGD khớp lệnh	>= 300.000 cổ phiếu	
Giá trị giao dịch khớp lệnh	>= 30 tỷ đồng	>= 30 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	LNST <0: loại khỏi danh sách xem xét	
Vốn hóa	Theo thứ tự giảm dần	
Kỳ review	Theo quý	
Kỳ cơ cấu	Nửa năm (tháng 2, tháng 7)	

Dòng vốn quỹ DCVFVN30 ETF (tỷ VNĐ)



Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán DSC và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Liên hệ - Trung tâm phân tích DSC

Trương Thái Đạt,

GD. Trung tâm Phân tích
dat.tt@dsc.com.vn

Trần Thanh Vân

Chuyên viên Phân tích
van.tt@dsc.com.vn

HỘI SỞ CHÍNH

📍 Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

☎ (024) 3880 3456

✉ info@dsc.com.vn